

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN PR
TỈNH B PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2021/HSST

Ngày: 17-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN PR, TỈNH B PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà V Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trọng Tính - Cán bộ hưu Tr

2. Ông Tạ Văn Khách - Cán bộ hưu Tr

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Pr, tỉnh B Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Pr, tỉnh B Phước: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 11 tháng 5 đến ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Pr, tỉnh B Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2021/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lưu Minh T (tên gọi khác: T), sinh năm 2000 tại B Phước; Trú tại: Thôn P, xã Pr, Huyện Pr, tỉnh B Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn B, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; gia đình có hai anh em, bị cáo là con lớn nhất, em nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2020 đến ngày 09/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh.

2. Nguyễn Như Tr (tên gọi khác: B), sinh năm 1995 tại B Phước; Trú tại: Thôn Ph, xã Pr, Huyện Pr, tỉnh B Phước; Nghề nghiệp: Làm Tê; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Như T, sinh năm 1973 và bà Lê Thị O, sinh năm 1973; gia đình có ba chị em, lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/11/2020 cho đến nay.

3. Trịnh T V, sinh năm 1994 tại B Phước; Trú tại: Ấp T An, xã T Lợi, Huyện Đ, tỉnh B Phước; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn K, sinh năm 1967 và bà Trịnh Thị M (chết); gia đình có 02 chị em, chị lớn sinh năm 1993, bị cáo là con nhỏ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Phan Duy T (tên gọi khác: T Rio), sinh năm 2001 tại B Phước; Trú tại: Thôn P, xã Pr, Huyện Pr, tỉnh B Phước; Nghề nghiệp: Làm Tê; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn

H, sinh năm 1978 và bà Lưu Thị Nh, sinh năm 1987; gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con lớn nhất, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

- Ông Lê Thanh P, sinh năm 1997

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Thôn PT, xã Pr, Hện Pr, tỉnh B Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn H, sinh năm 1978

- Bà Lưu Thị Nh, sinh năm 1987

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Pr, Hện Pr, tỉnh B Phước.

- Bà Lê Thị O, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Pr, Hện Pr, tỉnh B Phước.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Hện Pr, tỉnh B Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 22/8/2020, Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Lê Thanh P và Trương Mạnh H cùng trú tại xã Pr, Hện Pr hát karaoke tại quán TP Tộc thôn P, xã Pr. Trong lúc đang hát, Tr và H cãi nhau, Tr dùng một cái ly nhựa đánh trúng mặt của H (không gây thương tích gì) sau đó cả nhóm ra về.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô 93T6-7484 (xe mượn của T) chở H đến khu vực ngã ba chế biến Tộc xã Pr để gặp Tr nói chuyện. Khi đến nơi, cả hai không gặp Tr mà gặp P. P không cho T chở H đi gặp Tr nên T và P xảy ra mâu Tẫn. P dùng tay tát vào mặt T hai cái, cả hai ôm vật nhau xuống đường, H can ngăn nên tất cả ra về. Trên đường về T gọi điện thoại cho Tr kể lại sự việc bị P đánh và nói Tr cùng T đi kiểm P đánh, Tr đồng ý. T điều khiển xe mô tô về quán karaoke TP nhờ T chở đi gặp Tr. Đến cây xăng C Tộc thôn PT, xã Pr, T và T xuống xe chờ khoảng 05 phút thì Tr và V điều khiển xe mô tô biển số: 61S2-3915 đến. Khi nghe T kể lại sự việc, V điều khiển xe đến nhà P Tộc thôn PT, xã Pr để nói chuyện với P nhưng P không nghe mà chửi lại V nên V quay lại cây xăng C. Lúc đó, Tr điều khiển xe mô tô biển số: 61S2-3915 chở T về nhà T lấy 02 con dao (01 con dao dài 80cm, cán bằng tre tròn dài 55cm, lưỡi dài 25cm (mũi dao quắm) và 01 con dao rựa đầu bằng dài khoảng 01m) quay lại chỗ T và V. Tại đây, T đưa 01 con dao rựa đầu bằng dài khoảng 01m cho Tr rồi V chở Tr, còn T cầm 01 con dao rựa mũi quắm, dài 80cm đi lên xe T chở đến nhà P. Khi đến nơi, T và V dựng xe ngoài cổng, T và Tr mỗi người cầm 01 con dao cùng T và V đi vào sân nhà. Lúc đó, bà Trần Thị Diệp (mẹ P) và ông Lê Văn B (bố P) đóng cửa lại không cho P ra ngoài, còn Lê Thanh P (em P) đứng phía dưới sân nhà. Tr, T cầm dao đuổi P, P kêu la, ông B mở cửa ra thì Tr lao tới cầm dao bằng tay phải chém nhiều cái từ trên xuống

trúng vào cánh cửa và chém. 01 cái trúng đầu ông B rồi Tr cầm dao bỏ chạy ra hướng cổng. P ở trong nhà lao ra lấy 01 khúc gỗ bà Diệp đang cầm trên tay đuổi theo đánh Tr, Tr bỏ chạy ra đường. Thấy ông B bị chém, P lấy khúc củi khô đuổi theo Tr thì bị T lao tới dùng dao chém về hướng P (T không rõ đã chém trúng vào vị Tr nào trên người P). T tiếp tục xông về phía ông B dùng chân đạp 01 cái vào chân ông B, P đánh trả, T và Tr chạy lùi ra phía cổng để lên xe mô tô của T và V bỏ chạy nhưng ông B, P, P chạy theo. P dùng khúc gỗ đập 01 cái vào xe của T, ông B kéo xe mô tô của T làm xe ngã xuống đường, T nhặt một miếng gạch ngay đó đập một cái vào phía sau hông của P rồi để lại xe mô tô bỏ chạy. T quay lại thì bị ông B ôm vật ngã xuống đường, tay phải T vẫn cầm dao quơ lên trúng vào lưng của P và rút dao xuống đường, T vùng dậy bỏ chạy lên xe của V cùng T và Tr đi về.

Ngày 11/9/2020, P và ông B có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Vật chứng T giữ:

Tại hiện trường T giữ 01 dép xốp hai quai màu đỏ; 01 dép hai quai, quai màu đỏ đen, đế dép mặt trên màu trắng, mặt dưới màu đen.

T giữ tại nhà bà Trần Thị Diệp 01 xe mô tô Sirius màu đỏ đen biển số 93T6-7484; 01 con dao dài 80cm, cán bằng tre tròn dài 55cm, lưỡi dao kim loại uốn vào trong (dao quắm) dài 25cm; 01 khúc cây gỗ dài 1,1m dạng chữ nhật, mỗi đầu của khúc gỗ gắn 01 thanh kim loại dạng tròn uốn cong dài 28 cm.

T giữ của Tr 01 xe mô tô Hoda Wave biển số 61S-3915.

T giữ 01 USB màu xanh 4G có chứa đoạn video được Trech xuất trong Camera số 1 ngày 22/8/2020 đã được đánh số bút lục có tại hồ sơ vụ án nên không đề cập đến.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 247/2020/TgT ngày 11/9/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh B Phước kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Lê Thanh P như sau:

Sẹo lưng phải kích thước (4 x 0,2)cm gọn, mềm 01%. Tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ sau ra trước (so với cơ thể bị hại).

Sẹo ô mô ngón I bàn tay phải hình V kích thước (5 x 0,2)cm và (2 x 0,2) cm: 2%. Tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ mặt gang bàn tay sang mu bàn tay.

Sẹo mặt mu đốt 2 ngón I bàn tay phải kích thước (3 x 0,2)cm gọn, cứng, hạn chế gấp duỗi ngón I bàn tay phải: 1%. Tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ mặt mu sang mặt gang bàn tay.

Tổng tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên hiện tại là **4%** (Bốn phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 248/2020/TgT ngày 11/9/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh B Phước đối với thương tích của ông Lê Văn B kết luận: Sẹo vùng đỉnh cằm trái hình vòng cung kích thước 15x0,2 cm gọn. Mề sọ vùng đỉnh trái.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là **9%**. Tổn thương do

vật có cạnh sắc tác động trực tiếp theo hướng từ trên xuống dưới.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 con dao dài 80cm, cán bằng tre tròn dài 55cm, lưỡi dao kim loại uốn vào trong (dao quắm) dài 25cm T sử dụng làm công cụ phạm tội; 01 dép xỏ hai quai màu đỏ xác định được của T; 01 dép hai quai, quai màu đỏ đen, đế dép mặt trên màu trắng, mặt dưới màu đen xác định được của T rút tại hiện trường vụ án không còn giá trị sử dụng; 01 khúc cây gỗ dài 1,1m dạng chữ nhật, mỗi đầu của khúc gỗ gắn 01 thanh kim loại dạng tròn uốn cong dài 28cm T giữ được tại nhà của ông B, P sử dụng vào việc đánh nhau nên cần tịch T tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô Sirius màu đỏ đen biển số 93T6-7484 xác định là tài sản hợp pháp của Phan Văn H (cha ruột T), T mượn và sử dụng vào việc phạm tội thì ông H không biết nên ngày 20/12/2020, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trả lại cho ông H.

Đối với 01 xe mô tô Honda Wave màu xám đen biển số 61S2-3915 xác định là tài sản hợp pháp của Lê Thị O (mẹ ruột Tr), Tr mượn và sử dụng vào việc phạm tội thì bà O không biết nên ngày 20/12/2020, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trả lại cho bà O.

Đối với 01 USB màu xanh 4G có chứa đoạn video được Trch xuất trong Camera số 1 ngày 22/8/2020 đã được niêm P đánh số bút lục có tại hồ sơ vụ án.

Đối với 01 con dao Tr sử dụng gây thương tích cho ông B, sau khi gây án Tr mang về vứt tại nhà T, Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy do đó không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, bà Nguyễn Thị N (mẹ T) và Lưu Thị Nh (mẹ T) đã liên đới bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại B và P chữa trị thương tích. Ông B và P còn yêu cầu T, T, Tr và V liên đới bồi thêm 30.000.000 đồng.

Đối với số tiền mà bà N và bà Nh đã bồi thường cho ông B và P thì không yêu cầu T và T phải trả lại nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 25/Ctr -VKS ngày 09/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân Hện Pr, tỉnh B Phước đã truy tố Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Trịnh T V và Phan Duy T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Pr, tỉnh B giữ nguyên Cáo trạng số 25/Ctr-VKS ngày 09/3/2021 đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Trịnh T V và Phan H T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Minh T mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Như Tr mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, Điều 134; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phan Duy T mức án tù 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, Điều 134; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh T V mức án tù 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường số tiền 15.000.000đ cho người bị hại Lê Văn B và 15.000.000đ cho người bị hại Lê Thanh P theo hướng chia đều trách nhiệm dân sự cho bốn bị cáo thành các phần bằng nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa T bồi thường giữa các bị cáo và những người bị hại.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch T tiêu hủy 01 con dao dài 80cm, cán bằng tre tròn dài 55cm, lưỡi dao kim loại uốn vào trong (dao quắm) dài 25cm; 01 khúc cây gỗ dài 1,1m dạng chữ nhật, mỗi đầu của khúc gỗ gắn 01 thanh kim loại dạng tròn uốn cong dài 28 cm; 01 dép xộp hai quai màu đỏ; 01 dép hai quai, quai màu đỏ đen, đế dép mặt trên màu trắng, mặt dưới màu đen.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bị hại ông Lê Văn B tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử khi xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, nếu có thể giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nào thì đề nghị giảm nhẹ.

Người bị hại Lê Thanh P đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Lưu Minh T: Bị cáo đã rất ân hận về hành vi đã thực hiện. Bị cáo xin lỗi bị hại.

Bị cáo Nguyễn Như Tr: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là sai trái.

Bị cáo Trịnh T V: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai Tr, rất mong Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Phan Duy T: Bị cáo biết bị cáo không đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:*

Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra công an Hện Pr, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Hện Pr, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra,

truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định.

[2] *Về hành vi phạm tội:*

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr khai nhận xuất phát từ mâu thuẫn giữa T và P nên T gọi điện rủ Tr đi đánh P, Tr đồng ý. Sau đó, T nhờ T chở, Tr nhờ V chở. Đến cây xăng C, T nói Tr chở về nhà T lấy dao để đến nhà P. Tr và T về nhà lấy 02 con dao rựa sau đó quay lại cây xăng C. Cả 4 đã cùng đi đến nhà P. Khi đến nhà P, thấy Lê Thanh P (em trai của P) thì Tr và T lao vào chém P, P bỏ chạy. Ông B trong nhà chạy ra thì bị Tr cầm dao chém một nhát vào đầu ông B, T dùng dao chém trúng vào lưng, tay của P.

Các bị cáo Trịnh T V, Phan Duy T khai nhận khi đến cây xăng C, các bị cáo biết giữa T - P xảy ra mâu thuẫn và Tr chở T về nhà T lấy dao với mục đích đi tìm P đánh nhau nhưng các bị cáo vẫn cùng đi với T, Tr đến nhà P. Tại đây, Trịnh T V, Phan Duy T dựng xe đứng ở ngoài còn Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr cầm dao vào nhà P chém gây thương tích cho ông Lê Văn B và Lê Thanh P.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 22/8/2020, xuất phát từ mâu thuẫn giữa P và T, Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Phan Duy T, Trịnh T V cùng tìm đến nhà của Lê Thanh P, địa chỉ tại thôn PT, xã Pr, Hện Pr, tỉnh B Phước để đánh P trả thù. Khi đến nhà P, T đã dùng dao chém trúng vào lưng và tay của Lê Thanh P gây ra tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên là 4%, Tr dùng dao chém 01 nhát vào đầu của ông Lê Văn B gây ra tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên là 9%. Hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích cho bị hại Lê Văn B với tỷ lệ thương tích 9%, bị hại Lê Thanh P với tỷ lệ thương tích 4% xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn nhỏ nhất giữa bị cáo T với anh Lê Thanh P mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Hện Pr truy tố các bị cáo với tình tiết “*Dùng hung khí nguy hiểm*”, “*có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo T, Tr, T, V đều đã trưởng thành, hoàn toàn nhận thức được việc dùng dao gây thương tích cho người khác là hành vi trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác - là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra, còn gây mất trật tự trị an tại địa P và gây ảnh hưởng không tốt về lối ứng xử trong cuộc sống.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng thống nhất ý chí, hành động đi đến nhà P để “nói chuyện”, trường hợp xảy ra đánh nhau sẽ cùng đánh. Do không có sự bàn

bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm như sau:

Bị cáo Lưu Minh T là người khởi xướng khi gọi điện rủ Nguyễn Như Tr đi tìm P đánh trả thù. T cũng là người chủ động rủ Tr về nhà lấy dao để đi tìm P. Đồng thời, là người thực hành tích cực và trực tiếp gây nên thương tích cho anh Lê Thanh P với tỷ lệ thương tích 4%. Do đó, bị cáo T là người có vai trò chính và là người thực hành tích cực nhất trong vụ án. Vì vậy, cần phải tuyên xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Khi lượng hình, xét bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho những người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Như Tr không có mâu Tẫn với anh P hay những người bị hại. Khi nghe T gọi điện kể sự việc và rủ đi tìm P đánh trả thù, bị cáo không những không kHên nhủ, can ngăn mà còn thống nhất với T. Chính hành vi này và việc cùng T về nhà lấy dao Tr đã cổ V, tạo tinh thần, tiếp thêm ý chí, lực lượng để T thực hiện hành vi phạm tội. Việc bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm chém vào vùng đầu - vùng xung yếu của cơ thể người bị hại Lê Văn B thể hiện tính nguy hiểm, hung hãn cao độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, cần tuyên xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ, tính chất và hậu quả do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại; thành khẩn khai báo và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Trịnh T V, Phan Duy T: Mặc dù, các bị cáo biết mâu Tẫn giữa bị cáo T với anh P và T rủ Tr về nhà lấy dao đi tìm anh P là nhằm mục đích đánh anh P để trả thù nhưng vẫn chờ bị cáo T và bị cáo Tr đi đến nhà anh P. Đây chính là sự tiếp nhận, thống nhất ý chí bằng hành động với các bị cáo T, Tr đồng thời hỗ trợ về mặt tinh thần, lực lượng cho các bị cáo T, Tr thực hiện hành vi. Do đó, các bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho những người bị hại nhưng phải chịu trách nhiệm đồng phạm cùng với các bị cáo T, Tr. Khi lượng hình, xét các bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét, áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Phan Duy T đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một

phần thiệt hại cho những người bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại Lê Văn B yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường chi phí mất T nhập trong thời gian điều trị thương tích với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, cụ thể các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Trịnh T V và Phan Duy T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Lê Văn B số tiền 15.000.000đ, tương đương mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Lê Văn B số tiền là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Người bị hại Lê Thanh P yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường chi phí mất T nhập trong thời gian điều trị thương tích với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, cụ thể các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Trịnh T V và Phan Duy T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Lê Thanh P số tiền 15.000.000đ, tương đương mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Lê Thanh P số tiền là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị cáo Nguyễn Như Tr đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường tại phiên tòa do đó người bị hại Lê Văn B, Lê Thanh P không yêu cầu bị cáo Tr phải tiếp tục bồi thường đối. Giữ nguyên yêu cầu bồi thường và số tiền bồi thường đối với các bị cáo còn lại. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa T giữa các bị cáo với những người bị hại, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa T này.

Việc thực hiện nghĩa vụ liên đới của các bị cáo với những người bị hại được thực hiện theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Về xử lý vật chứng*:

Đối với các vật chứng gồm:

- 01 con dao dài 80cm, cán bằng tre tròn dài 55cm, lưỡi dao kim loại uốn vào trong (dao quắm) dài 25cm;
- 01 khúc cây gỗ dài 1,1m dạng chữ nhật, mỗi đầu của khúc gỗ gắn 01 thanh kim loại dạng tròn uốn cong dài 28 cm;
- 01 dép xỏp hai quai màu đỏ;
- 01 dép hai quai, quai màu đỏ đen, đế dép mặt trên màu trắng, mặt dưới màu đen.

Quá trình điều tra xác định 01 con dao, 01 khúc cây gỗ các công cụ phạm tội và 01 đôi dép xỏp. 01 dép hai quai không còn giá trị sử dụng. Do đó, căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch T và tiêu hủy những vật chứng trên.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi gây thương tích cho những người bị hại nhưng nhiều tình tiết

vụ án khai chưa trung thực. Ngoài bị cáo Tr bị tạm giam, các bị cáo khác trong vụ án được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú nên có đủ điều kiện để thẩm hỏi tình hình của bị hại nhưng các bị cáo không thực hiện. Gia đình bị cáo T và bị cáo V đã thay các bị cáo bồi thường thiệt hại cho những người bị hại nhưng các bị cáo không biết đã bồi thường như thế nào. Đó đó, đề nghị về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “ăn năn hối cải”, “Người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” là không chính xác, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Trần T V và Phan Duy T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Lưu Minh T, Trần T V, Phan Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] *Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt*

Tuyên bố các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Trần T V, Phan Duy T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lưu Minh T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/11/2020 đến ngày 09/02/2021.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm b, i khoản 1 Điều 51 Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Như Tr 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2020.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Duy T 9 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trịnh T V 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

[2] *Về xử lý vật chứng*:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch T tiêu hủy những vật chứng là công cụ phạm tội và vật không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 con dao dài 80cm, cán bằng tre tròn dài 55cm, lưỡi dao kim loại uốn vào trong (dao quắm) dài 25cm;

- 01 khúc cây gỗ dài 1,1m dạng chữ nhật, mỗi đầu của khúc gỗ gắn 01 thanh kim loại dạng tròn uốn cong dài 28 cm;

- 01 dép xỏ hai quai màu đỏ;

- 01 dép hai quai, quai màu đỏ đen, đế dép mặt trên màu trắng, mặt dưới

màu đen.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:*

Căn cứ các Điều 584, 587 và Điều 288 Bộ luật dân sự 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa T giữa các bị cáo với người bị hại

Buộc các bị cáo Lưu Minh T, Trịnh T V và Phan Duy T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Lê Văn B số tiền 11.250.000đ, tương đương mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Lê Văn B số tiền là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Trịnh T V và Phan Duy T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Lê Thanh P số tiền 11.250.000đ, tương đương mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Lê Thanh P số tiền là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lưu Minh T, Nguyễn Như Tr, Phan Duy T và Trịnh T V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Lưu Minh T, Phan Duy T và Trịnh T V, mỗi bị cáo phải chịu 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

Các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Phước;
- Phòng HS nghiệp vụ - CA tỉnh BP;
- VKSND Hện Pr
- Chi cục THA Hện Pr;
- CSĐT CA Hện Pr;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

V Thị Phụng

